

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình đường giao thông nội bản Muống, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thuộc chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa tại Tờ trình số 3147/TTr-SGTVT ngày 26/8/2019; Báo cáo kết quả thẩm định số 3146/SGTVT-TĐKHKHKT ngày 26/8/2019 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình đường giao thông nội bản Muống, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình đường giao thông nội bản Muống, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Đường giao thông nội bản Muống, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.

2. Mục tiêu đầu tư: Giúp nhân dân trong xã đi lại thuận tiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông thương giữa các thôn trong xã, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, từng bước hoàn thành kết cấu hạ tầng theo mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

3. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

4. Chủ đầu tư: Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa.

5. Nhà thầu khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng công trình: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Trường Độ.

6. Chủ nhiệm dự án: Trần Anh Tuấn.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.

8. Diện tích sử dụng đất: Trong phạm vi đường cũ.

9. Quy mô đầu tư và tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng 500m đường giao thông cấp C theo TCVN 10380-2014, có điểm đầu: Km0+00 nối tiếp với đường nhựa đã có sẵn tại bản Muống; điểm cuối: Km0+500 cách điểm đầu 500m theo hướng đi dân cư và đường bê tông hiện có.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật: Vận tốc thiết kế $V_{tk} = 15\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n = 4,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m = 3,0\text{m}$; chiều rộng lề đường $B_{lè} = (2 \times 0,5)\text{m} = 1,5\text{m}$; độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 15\%$; bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn $R_{\min} = 10\text{m}$; kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

10. Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: Thống nhất như tại Báo cáo kết quả thẩm định số 3146/SGTVT-TĐKHKT ngày 26/ 8/ 2019 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

11. Giải pháp thiết kế:

a) Bình đồ tuyến: Tim tuyến cơ bản bám theo đường mòn cũ hiện có, đào đắp cục bộ một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường. Toàn tuyến có 12 đỉnh đường cong nằm đóng cong; bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{\min} = 20\text{m}$; riêng đối với cọc P12 tại vị trí ngã ba, có địa hình đồi núi dốc dọc lớn, không chế bởi tuyến đường ngang là đường trục chính nên chêm trước bán kính đường cong nằm $R = 5\text{m}$ và lắp đặt biển cảnh báo an toàn giao thông theo quy định. Bố trí 01 điểm tránh xe, kết cấu như kết cấu tuyến chính.

b) Trắc dọc tuyến: Tuyến thiết kế trên khu vực đồi núi cao, địa hình dốc lớn nên cao độ đường đỡ cơ bản là nền đường đào nhằm hạ dốc dọc, đắp cục bộ một số vị trí để đảm bảo các thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn cấp đường và đảm bảo độ êm thuận khi xe chạy; độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 14,99\%$.

c) Mặt cắt ngang:

- Chiều rộng nền đường $B_n = 4,0\text{m}$;

- Chiều rộng mặt đường $B_m = 3,0\text{m}$;

- Chiều rộng lề đất hai bên $B_{lè} = 2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$;

- Độ dốc ngang mặt đường $i_{\text{mặt}} = 2\%$; dốc ngang lề đường $i_{lè} = 4\%$.

d) Mặt đường: Bằng bê tông xi măng M250 dày 16cm; đối với đoạn từ cọc TĐ12 đến cọc H5 (dài $L = 111,82\text{m}$) do tuyến nằm trên đường trục chính của xã Tam Lư, có lưu lượng xe lớn nên thiết kế áo đường phù hợp với kết cấu áo đường hiện đang khai thác, kết cấu: Mặt bằng bê tông xi măng M250 dày 16cm; móng đá 4x6cm chèn đá dăm dày 15cm.

e) Nền đường: Dạng nền đường đào và đắp cục bộ.

- Nền đường đắp: Đắp bằng đất đào tận dụng; đất đắp đầm chặt $K \geq 0,95$; độ dốc mái ta luy nền đắp 1/1,5.

- Nền đường đào: Độ dốc mái ta luy nền đào 1/1.

g) Công trình thoát nước:

- Thoát nước mặt: bằng chảy toả và đào rãnh dọc đất tiết diện hình thang, kích thước $(0,4+1,2) \times 0,4\text{m}$; chân dốc dọc 14,99% gia cố rãnh bằng bê tông xi măng M150 dày 15cm.

- Thoát nước ngang: Tổng số 02 cái, trong đó: 01 cống bản cũ khẩu độ $KĐ = 1,0\text{m}$ còn tốt giữ nguyên; xây dựng mới 01 cống bản khẩu độ $KĐ = 1,0\text{m}$ tại Km0+112,16; kết cấu: Móng, thân, tường cánh, chân khay, sân thượng hạ lưu

cống bằng bê tông M150; mũ mỏ BTCT M200; tấm bản BTCT M250; lớp phủ bản BTXM M250 dày 6cm.

f) Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí biển báo hiệu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTV gồm: 03 biển báo hiệu phản quang hình tròn hạn chế tải trọng; 02 biển báo dốc xuống nguy hiểm, 01 biển giao nhau với đường ưu tiên và 01 biển ngã ba hình tam giác; 04 biển chỉ dẫn hình chữ nhật (bảng chữ phổ thông và chữ đồng bào Thái).

Kết cấu: Biển báo bằng tôn mạ kẽm dày 3mm có dán màng phản quang, cột treo biển báo bằng ống thép mạ kẽm có đường kính D=80mm, dày 3mm được sơn 2 màu trắng đỏ, khoảng cách 25cm một vạch. Đế móng chôn cột có kích thước (50x50x40)cm, bằng bê tông M150.

(chi tiết xem hồ sơ Báo cáo KT-KT)

12. Dự toán duyệt: 1.098.786.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi tám triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	905.022.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	21.257.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	123.405.000	đồng.
- Chi phí khác:	49.102.000	đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn: Kinh phí chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững (thuộc sự nghiệp kinh tế) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2019.

14. Số bước thiết kế: 01 bước (bản vẽ thi công).

15. Thời gian thực hiện: Năm 2019.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

17. Phương án tái định cư, giải phóng mặt bằng: Không.

Điều 2. Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung tại Báo cáo kết quả thẩm định số 3146/SGTVT-TĐKHKT ngày 26/8/ 2019 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

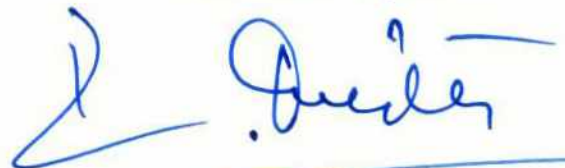
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐẦU TƯ
Công trình: Đường giao thông nội bản Muống, xã Tam Lư,
huyện Quan Sơn.

(Kèm theo Quyết định số 3596/QĐ-UBND ngày 10 / 9/ 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục	Diễn giải			Thành tiền (đồng)
I	Kinh phí xây lắp				905.022.000
1	Chi phí xây dựng				905.022.000
II	Chi phí QLDA	2,936%	$\times 0,8$ x	822.747.127	21.257.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				123.405.000
1	Chi phí khảo sát	Dự toán chi tiết			43.546.000
2	Chi phí lập báo cáo KT-KT	$5,4\% \times 822.747.127$			48.871.000
3	Chi phí lập HSYC và ĐGHSĐX	<i>(Mức tối thiểu theo ND 63)</i>			2.000.000
4	Giám sát kỹ thuật - thi công	3,203%	$\times 1,1x$	822.747.127	28.988.000
IV	Chi phí khác				49.102.000
1	Chi phí hạng mục chung	4%	$\times 1,1x$	822.747.127	36.201.000
2	Lệ phí thẩm định BC KT-KT	0,019%	$\times 1,0x$	1.098.786.000	209.000
3	Phí thẩm định HSYC và thẩm định kết quả lựa chọn NT	<i>(Mức tối thiểu theo ND 63)</i>			2.000.000
4	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,950%	$\times 1,0x$	1.098.786.000	10.692.000
	Tổng cộng	I+II+III+IV			1.098.786.000